TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 102/2026/QĐST - DS	*Vĩnh Long, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 260/2026/TLST - DS, ngày 13 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:*

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Lê Bá N, sinh năm 1982. Nơi ĐKHKTT: ấp S, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: ấp M, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Ông Lê Bá N1 có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Hằng S tiền 351.500.000đồng (*Ba trăm năm mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bà H đồng ý nhận số tiền này và bà H có nghĩa vụ trả cho ông N bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông N đã giao cho bà H giữ để làm tin vay tiền gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 15, diện tích 604,3m^2, tờ bản đồ số 27, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, địa chỉ khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

thửa 2018, diện tích 1.049m^2, tờ bản đồ số 26, mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước, địa chỉ ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Về thời gian trả: Bà Phan Thị H và ông Lê Bá N tự nguyện thỏa thuận do Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Bá N tự nguyện nộp toàn bộ án phí số tiền là 8.787.500đồng (*Tám triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Bà Phan Thị H không phải nộp án phí. Hoàn trả cho bà Hằng số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) theo biên lai số 0008955, nộp ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 11 – Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Thanh